

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai Đề án Phát triển bền vững ngành Dâu Tằm Tơ Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Thực hiện Quyết định số 900/QĐ-BNN-CN ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề án Phát triển bền vững ngành Dâu Tằm Tơ Việt Nam (sau đây viết tắt là Đề án) thực hiện Chiến lược Phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt: Bộ NNMT) ban hành Kế hoạch triển khai với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Triển khai có hiệu quả Đề án đạt mục tiêu đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt tại Quyết định số 900/QĐ-BNN-CN ngày 25/02/2025. Đến năm 2030 giá trị sản xuất của ngành Dâu Tằm Tơ (DTT) đạt 6.500 - 7.100 tỷ đồng (260 - 280 triệu USD), giá trị xuất khẩu đạt 140 - 150 triệu USD, tạo việc làm cho 110.000 – 120.000 lao động.

2. Xác định rõ nhiệm vụ, nội dung công việc, dự toán kinh phí, thời hạn, sản phẩm dự kiến đạt được, gắn với chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tổ chức triển khai Đề án.

3. Đảm bảo chủ động trong triển khai Đề án; sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trực thuộc Bộ NNMT và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan theo lộ trình để đạt được mục tiêu đề ra.

4. Kịp thời lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án vào chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động có liên quan tại các đơn vị thuộc Bộ NNMT, địa phương nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai Đề án.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

Nội dung thực hiện Đề án Phát triển bền vững ngành Dâu Tằm Tơ Việt Nam chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Cục Chăn nuôi và Thú y là đơn vị đầu mối; phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Bộ NNMT và địa phương; tổ chức theo dõi, đôn đốc, giám sát,

đánh giá việc triển khai Kế hoạch; báo cáo và tham mưu Lãnh đạo Bộ NNMT xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Kế hoạch.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ NNMT, các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ và căn cứ vào Kế hoạch hành động này, xây dựng kế hoạch cụ thể; chủ động rà soát nhiệm vụ và kinh phí triển khai trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

3. Giao Vụ Kế hoạch - Tài chính căn cứ vào đề xuất của các đơn vị có liên quan thuộc Bộ NNMT, ưu tiên bố trí nguồn kinh phí theo quy định để triển khai hiệu quả Đề án.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao; chủ động lồng ghép việc thực hiện với các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có liên quan tại địa phương; phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ NNMT, các tổ chức, cá nhân liên quan để triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch này đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ.

5. Các đơn vị được giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm báo cáo Bộ NNMT (qua Cục Chăn nuôi và Thú y) về tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao, kết quả triển khai, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình tổ chức thực hiện để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ NNMT.

Phụ lục
NỘI DUNG, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN
THUỘC ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH DÂU TẦM TƠ VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên chương trình/dự án	Nội dung chính (dự kiến)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Dự kiến nhu cầu vốn (triệu đồng)	Thời gian
1	Tổ chức phổ biến nội dung, kế hoạch triển khai, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả triển khai đề án.	Phổ biến, hướng dẫn triển khai các nội dung, kế hoạch, kết quả triển khai, sơ kết, tổng kết kết quả triển khai các dự án thuộc đề án.	Cục Chăn nuôi và Thú y	Các đơn vị thuộc Bộ NNMT; cơ quan quản lý địa phương.	Báo cáo tình hình triển khai, kết quả triển khai các dự án thuộc Đề án.	1.000	2025-2030
2	Nghiên cứu, phát triển giống tầm dâu, giống tầm sắn, giống dâu nuôi tầm.	- Chọn lọc, lai tạo phát triển các giống tầm dâu, giống tầm sắn, giống dâu ổn định về năng suất và chất lượng đáp ứng yêu cầu sản xuất. - Ứng dụng công nghệ tiên tiến nâng cao năng lực quản lý giống tầm dâu, tầm sắn, giống dâu nuôi tầm, phòng trị dịch hại, khai thác, chế biến các sản phẩm từ ngành Dâu Tằm Tơ.	Cục Chăn nuôi và Thú y	Các đơn vị thuộc Bộ NNMT; cơ quan quản lý địa phương; Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ Trung ương; Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông Lâm nghiệp Lâm Đồng; cơ sở trồng dâu nuôi tầm.	- Chọn tạo được 05 giống tầm dâu, 05 giống tầm sắn, 05 giống dâu nuôi tầm; - Ban hành quy trình kỹ thuật nuôi các giống tầm dâu, tầm sắn; - Ban hành quy trình nhân giống dâu bằng hom phù hợp cho các vùng chuyên canh nguyên liệu dâu tằm và quy trình nhân giống dâu lai F1 trồng hạt cho các tỉnh miền Bắc, miền Trung.	9.000	2026-2030

TT	Tên chương trình/dự án	Nội dung chính (dự kiến)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Dự kiến nhu cầu vốn (triệu đồng)	Thời gian
3	Xây dựng TCVN về chất lượng sản phẩm kén tằm	Tăng cường hiệu lực công tác quản lý Nhà nước về sản phẩm kén tằm nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị hiếu của người tiêu dùng trong và ngoài nước.	Cục Chăn nuôi và Thú y	Các đơn vị thuộc Bộ NNMT; Các Viện, Trường; cơ quan quản lý địa phương; Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ Trung ương; doanh nghiệp; cơ sở nuôi tằm.	Ban hành TCVN về chất lượng sản phẩm kén tằm	350	2025-2027
4	Xây dựng liên kết vùng trong trồng dâu, nuôi tằm	- Phát triển ngành Dâu Tằm Tơ sản xuất theo chuỗi sản phẩm, doanh nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu. - Nâng cao năng lực các cơ sở cung ứng giống tằm, giống dâu, từng bước hoàn thiện hệ thống nhân giống và phát triển giống tằm, giống dâu đặc biệt khuyến khích các cơ sở nuôi tằm cấp II để cung cấp giống cho sản xuất.	Cục Chăn nuôi và Thú y	Các đơn vị thuộc Bộ NNMT; Cơ quan quản lý địa phương; Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ TW. Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông lâm nghiệp Lâm Đồng; cơ sở trồng dâu, nuôi tằm.	Hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung nguyên liệu dâu tằm tại vùng Tây Nguyên, Trung Du và miền Núi phía Bắc và Đồng bằng Sông Hồng	10.000	2026-2030
5	Phát triển thức ăn bổ sung cho tằm	Sản xuất thức ăn bổ sung, từ các nguồn nguyên liệu trong nước dễ sử dụng, bảo quản; tăng cường dinh dưỡng tăng năng suất và chất lượng tơ kén	Cục Chăn nuôi và Thú y	Các đơn vị thuộc Bộ NNMT; Cơ quan quản lý địa phương; Các đơn vị nghiên cứu; doanh nghiệp.	Ban hành quy trình sản xuất, sản xuất thử và thương mại hóa sản phẩm đối với thức ăn bổ sung cho tằm.	500	2026-2029

TT	Tên chương trình/dự án	Nội dung chính (dự kiến)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Dự kiến nhu cầu vốn (triệu đồng)	Thời gian
6	Nghiên cứu ứng dụng các hoạt chất có trong dâu, tầm, tơ chế biến thực phẩm chức năng và hóa mỹ phẩm.	Chế biến sâu các sản phẩm có hoạt chất được tách chiết từ lá dâu, con tầm, tơ kén. Sản xuất thực phẩm chức năng chống mất ngủ, ổn định huyết áp, chữa trị bệnh tiểu đường; sản xuất mỹ phẩm từ silk protein	Cục Chăn nuôi và Thú y	Các đơn vị thuộc Bộ NNMT; Cơ quan quản lý địa phương; Các đơn vị nghiên cứu; doanh nghiệp.	Ban hành quy trình sản xuất và sản xuất thử một số sản phẩm như: Trà lá dâu chống mất ngủ, ổn định huyết áp; Bột tầm hạn chế tiêu đường Kem tẩy da chết, sữa rửa mặt, kem dưỡng da ...	9.000	2028-2030
7	Phát triển hệ thống nhân giống dâu, giống tầm và phổ biến công nghệ thông qua Dự án “ <i>Phổ biến giống và công nghệ chất lượng cao nhằm nâng cao giá trị gia tăng nghề trồng dâu nuôi tầm ở miền Núi Việt Nam</i> ”	- Phát triển hệ thống nhân giống dâu - Phát triển hệ thống nhân giống tầm - Thiết lập các mô hình nuôi tầm con tập trung; các mô hình trình diễn công nghệ nuôi tầm lớn trên giá nhiều tầng trong phòng điều hòa nhiệt độ - Phát triển các sản phẩm chế biến và thành lập khu triển lãm, bảo tàng nghề dâu tầm tơ lụa.	Trung tâm nghiên cứu Dâu tầm tơ Trung ương	Đổi tác đổi mới Nông nghiệp Hàn Quốc KOPIA viện trợ không hoàn lại	- 01 ha vườn dâu bố mẹ sản xuất hạt dâu lai; 02ha vườn gieo ươm sản xuất cây dâu giống. Mở rộng diện tích trồng dâu giống mới: 150 ha; - Nâng cấp hạ tầng trang thiết bị sản xuất trứng tầm tại 03 cơ sở (Trung tâm NC Dâu tầm tơ TW, Trạm Việt Hùng và Trung tâm NC thực nghiệm Nông lâm nghiệp Lâm đồng) đạt công suất 40.000 hộp trứng/năm. Tăng tỷ lệ tự cung cấp trứng tầm kén trắng trong nước lên 8%;	70.360 Trong đó 60.000 - ODA 10.360 - Đối ứng	2024-2029

TT	Tên chương trình/dự án	Nội dung chính (dự kiến)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Dự kiến nhu cầu vốn (triệu đồng)	Thời gian
					- 05 cơ sở nuôi tằm con; 03 mô hình nuôi tằm lớn trên giá nhiều tầng trong phòng điều hòa nhiệt độ. Năng suất kén tăng từ 1,3 tấn/ha → 1,5 tấn/ha. Thu nhập cho nông dân đạt 225 triệu đồng, tăng 15%. - 02 sản phẩm chế biến; 01 khu trưng bày, bảo tàng.		
8	Nâng cấp công nghệ, máy móc dệt lụa và xây dựng thương hiệu liên quan đến ngành DTT dựa trên hợp tác đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ	- Xây dựng thương hiệu quốc gia cho sản phẩm lụa tơ tằm Việt Nam. (Vietnam Silk); - Xây dựng mô hình đổi mới công nghệ dệt lụa tơ tằm cho làng nghề truyền thống kết hợp thương hiệu làng nghề.	Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ Trung ương	Cơ quan sở hữu trí tuệ KIPO Hàn Quốc viện trợ không hoàn lại	- 01 Thương hiệu quốc gia cho tơ tằm Việt Nam; - 01 Thương hiệu cho làng nghề; - 01 mô hình đổi mới công nghệ dệt, in, nhuộm, chế biến lụa tơ tằm Việt Nam.	15.000	2026-2029